

Ngày soạn:/...../

Ngày dạy:/...../

Chuyên đề 19. ÔN TẬP CHUNG VỀ HÌNH HỌC TRỰC QUAN**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức***** Các hình phẳng trong thực tiễn:**

- Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.
- Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).
- Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.
- Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.
- Mô tả được các yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.
- Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên, ...).

*** Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên:**

- Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.
- Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).
- Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng.
- Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).
- Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...
- Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giao tiếp toán học: trình bày được lời giải trước tập thể lớp, trả lời được các câu hỏi đặt ra của bạn học và của giáo viên
- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: Sử dụng được các dụng cụ để vẽ hình, sử dụng được MTBT.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Sử dụng được các công thức tính diện tích để làm một bài toán thực tiễn.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... để nêu được phương pháp giải các dạng bài tập và từ đó áp dụng để giải một số dạng bài tập cụ thể.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: SGK, kế hoạch bài dạy, bảng phụ, phấn màu và các dụng cụ vẽ hình, các phiếu học tập.

2. Học sinh: SGK, bảng nhóm, bút dạ và các dụng cụ vẽ hình.

III. TIỀN TRÌNH BÀI DẠY

Tiết 1.

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu:

- HS làm được các bài tập trắc nghiệm đầu giờ nhằm ôn lại các kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm về phân hình học trực quan.

c) Sản phẩm:

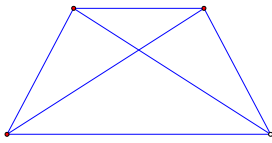
- Trả lời được các câu hỏi mà giáo viên đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện:

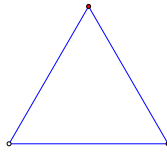
Kiểm tra trắc nghiệm nhanh một số câu hỏi về hình học trực quan.

KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM ĐẦU GIỜ

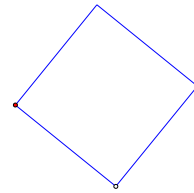
Bài 1. Viết tên các hình vẽ sau:



H1:



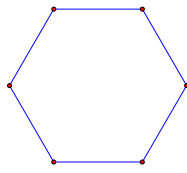
H2:



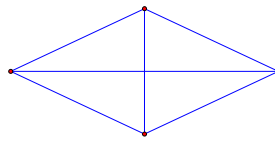
H3:



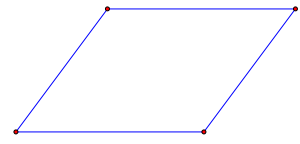
H4:



H5:



H6:



H7:

Bài 2. Chọn đáp án đúng:

2.1) Hình vuông có cạnh $5cm$ thì chu vi và diện tích của nó lần lượt là:

A. $20cm$ và $25cm$

B. $20cm$ và $25cm^2$

C. $25cm^2$ và $20cm$

D. $20cm$ và $10cm^2$

2.2) Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là $10cm$ và $15cm$ thì diện tích của nó là:

A. $300cm^2$

B. $150cm^2$

C. $75cm^2$

D. $25cm^2$

2.3) Hình chữ nhật có diện tích $800m^2$, độ dài một cạnh là $40m$ thì chu vi của hình chữ nhật đó là:

A. $100m$

B. $60m$

C. $120m$

D. $1600m$

2.4) Hình bình hành có diện tích $50cm^2$ và một cạnh bằng $10cm$ thì chiều cao tương ứng với cạnh đó là:

A. $5cm$

B. $10cm$

C. $25cm$

D. $50cm$

2.5) Hình thang có diện tích $50cm^2$ và có độ dài đường cao là $5cm$ thì tổng hai cạnh đáy của hình thang đó bằng?

A. $5cm$

B. $10cm$

C. $15cm$

D. $20cm$

Bài 3. Đánh dấu X vào ô lựa chọn.

CÂU	KHẲNG ĐỊNH	ĐÚNG	SAI
3.1	Tam giác đều là hình có tâm đối xứng.		
3.2	Hình thoi có hai trục đối xứng.		
3.3	Hình bình hành có tâm đối xứng là giao điểm hai đường chéo.		
3.4	Hình tròn có vô số trục đối xứng.		

3.5	Hình chữ nhật với hai cạnh kề bằng nhau thì có hai trục đối xứng.																							
Hoạt động của GV và HS		Sản phẩm cần đạt																						
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: NV1: Hoạt động nhóm theo bàn hoàn thành bài 1. NV2: Hoạt động cá nhân trả lời các câu trong bài 2 và bài 3. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Hoạt động theo nhóm làm bài 1. - Hoạt động cá nhân trả lời bài 2, 3. Bước 3: Báo cáo kết quả: NV1: Đại diện 2 nhóm lên bảng điền tên các hình. NV2: HS đứng tại chỗ báo cáo. Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả: - GV cho HS khác nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức.		Bài 1. H1: Hình thang cân. H2: Tam giác đều. H3: Hình vuông. H4: Hình chữ nhật. H5: Hình lục giác đều. H6: Hình thoi. H7. Hình bình hành. Bài 2: <table><tr><td>2.1</td><td>2.2</td><td>2.3</td><td>2.4</td><td>2.5</td></tr><tr><td>B</td><td>C</td><td>C</td><td>A</td><td>D</td></tr></table> Bài 2: <table><tr><td>3.1</td><td>3.2</td><td>3.3</td><td>3.4</td><td>3.5</td></tr><tr><td>S</td><td>Đ</td><td>Đ</td><td>Đ</td><td>S</td></tr></table>			2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	B	C	C	A	D	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	S	Đ	Đ	Đ	S
2.1	2.2	2.3	2.4	2.5																				
B	C	C	A	D																				
3.1	3.2	3.3	3.4	3.5																				
S	Đ	Đ	Đ	S																				

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Dạng 1: Dạng toán vẽ hình

a) Mục tiêu:

Vẽ được tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình thang cân, hình bình hành, hình thoi.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3

c) Sản phẩm: HS vẽ được hình theo yêu cầu.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV cho HS đọc đề bài 1. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài.	Bài 1. Vẽ a) Tam giác đều có cạnh $3cm$.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

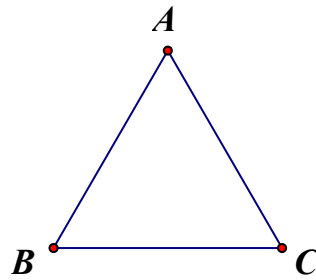
- HS đọc đề bài , thực hiện vẽ hình.

Bước 3: Báo cáo kết quả:

- 1 HS lên bảng vẽ hình và trình bày các bước vẽ hình.

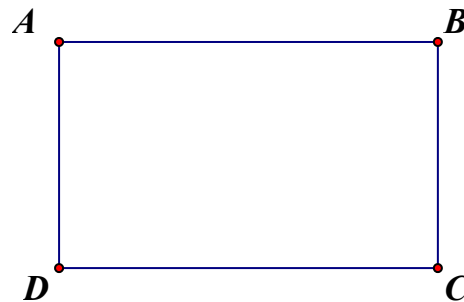
Bước 4: Đánh giá kết quả:

- GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chú ý cho HS các sai sót khi vẽ hình.



- Vẽ đoạn thẳng $BC = 3cm$.
- Dùng compa vẽ hai đường tròn có bán kính $3cm$ có tâm lần lượt là B và C .
- Điểm A là giao điểm của hai đường tròn đó.
- Nối AB , AC ta được ABC là tam giác đều cần vẽ.

b) Hình chữ nhật có hai kích thước là $3cm$ và $5cm$.



- Vẽ đoạn thẳng $AB = 5cm$.
- Vẽ đoạn thẳng $AD = 3cm$ vuông góc với AB .
- Qua D kẻ đường thẳng vuông góc với AD .
- Qua B kẻ đường thẳng vuông góc với AB .
- Hai đường thẳng này cắt nhau tại C .
- $ABCD$ là hình chữ nhật cần vẽ.

Bước 1: Giao nhiệm vụ 1

- GV cho HS đọc đề bài 2.
Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo bàn tìm cách vẽ hình.

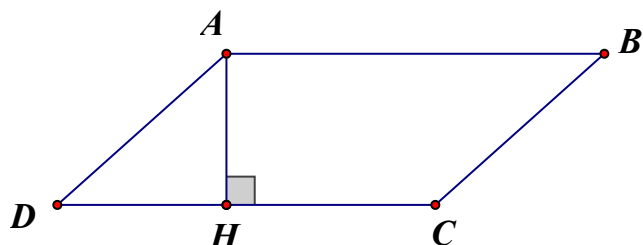
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc đề bài , thực hiện vẽ hình.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- 2 HS đại diện hai nhóm lên

Bài 2: Vẽ hình bình hành có hai cạnh liên tiếp là $3cm$, $5cm$ và chiều cao bằng $2cm$.



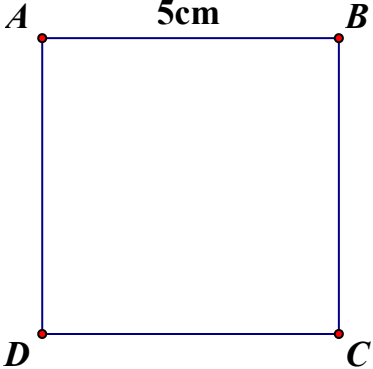
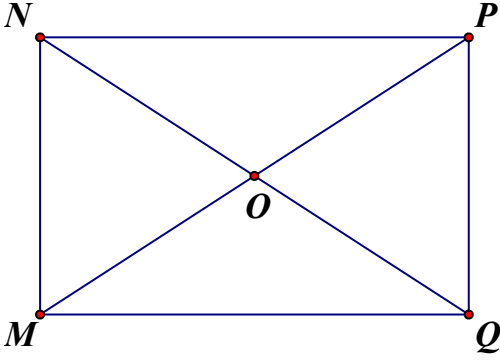
- Vẽ đoạn thẳng $AB = 5cm$.
- Vẽ đoạn thẳng $AH = 2cm$ và vuông góc với AB tại A .
- Qua H vẽ đường thẳng song song với AB .
- Vẽ đường tròn tâm A bán kính $3cm$ cắt

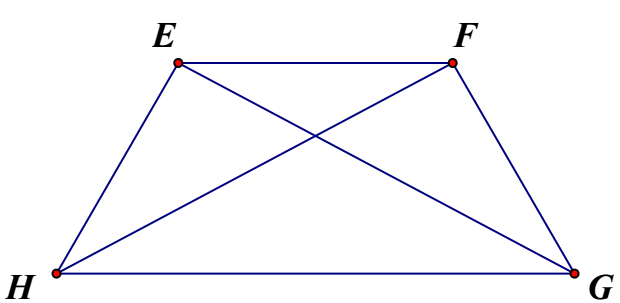
<p>bảng vẽ hình và trình bày các bước vẽ hình.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho các nhóm nhận xét và nhận xét chung.</p>	<p>đường thẳng trên tại D (chọn 1 trong 2 điểm).</p> <p>- Qua B vẽ đường thẳng song song với AD cắt đường thẳng song song với AB tại C.</p> <p>$ABCD$ là hình bình hành cần vẽ.</p>
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài 1. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS đọc đề bài, thực hiện vẽ hình.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả:</p> <p>- 1 HS lên bảng vẽ hình và trình bày các bước vẽ hình.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chú ý cho HS các sai sót khi vẽ hình.</p>	<p>Bài 3: Vẽ hình thoi hai đường chéo có độ dài lần lượt là $6cm$ và $8cm$.</p> <p>- Vẽ đoạn thẳng $AC = 8cm$.</p> <p>- Lấy I là trung điểm của đoạn thẳng AC.</p> <p>- Qua I vẽ đường thẳng vuông góc với AC.</p> <p>- Trên đường thẳng đó lấy hai điểm B, D sao cho $IB = 3cm, ID = 3cm$.</p> <p>- Nối AB, BC, CD, DA ta được $ABCD$ là hình thoi cần vẽ.</p>

Tiết 2:**Dạng 2: Tính độ dài đoạn thẳng****a) Mục tiêu:**

Vận dụng tính chất các hình để tính độ dài đoạn thẳng.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3**c) Sản phẩm:** Tìm được độ dài đoạn thẳng.**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 1. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, thực hiện vẽ hình và tính độ dài. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng vẽ hình và tính độ dài. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chú ý cho HS các sai sót khi làm bài. 	<p>Bài 1: Cho hình vuông $ABCD$ có cạnh $AB = 5cm$. Tính độ dài của BC, CD, DA.</p> <p><u>Giải:</u></p>  <p>Ta có: $BC = CD = DA = AB = 5cm$.</p>
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 2. Yêu cầu HS hoạt động cặp đôi làm bài. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài và hoạt động cặp đôi làm bài. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện 1 nhóm lên trình bày. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm và chú ý cho HS các sai sót khi làm bài. 	<p>Bài 2: Cho hình chữ nhật $MNPQ$ có O là giao điểm hai đường chéo. Biết $MN = 3cm$, $MO = 2,5cm$. Tính độ dài của PQ, NQ.</p> <p><u>Giải:</u></p>  <p>Ta có: $PQ = MN = 3cm$ $MO = OP = 2$ nên $MP = 2.MO = 2.2,5 = 5cm$</p>

	$NQ = MP = 5cm$.
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV cho HS đọc đề bài 3. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc đề bài, thực hiện vẽ hình và tính độ dài. Bước 3: Báo cáo kết quả: - 1 HS lên bảng vẽ hình và tính độ dài. Bước 4: Đánh giá kết quả: - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chú ý cho HS các sai sót khi làm bài.	Bài 3: Cho hình thang cân EFGH có hai đáy là EF và GH . Biết $EH = 4cm$, $HF = 7cm$. Tính độ dài FG , EG . <p style="text-align: center;"><u>Giải:</u></p>  <p>Ta có: $FG = EH = 4cm$. $EG = HF = 7cm$.</p>

Dạng 3: Hình đối xứng

a) Mục tiêu:

- Nhận biết hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng.
- Nhận biết trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình đơn giản.
- Vẽ được hình đối xứng qua một điểm, một đường thẳng.

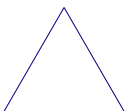
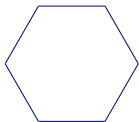
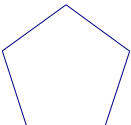
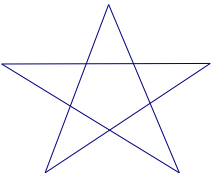
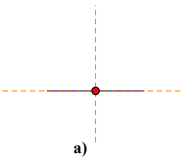
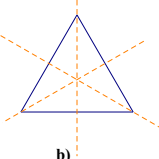
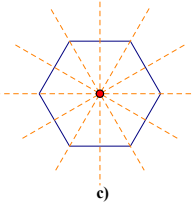
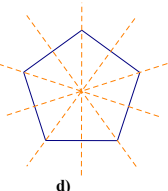
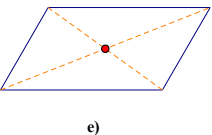
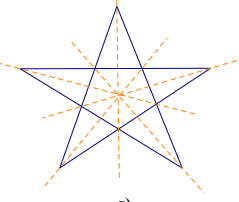
b) Nội dung: Bài 1; 2; 3.

c) Sản phẩm:

- Xác định được hình có trục đối xứng, có tâm đối xứng.
- Vẽ được trục đối xứng và tâm đối xứng của một hình (nếu có).
- Vẽ được hình đối xứng qua một điểm, một đường thẳng.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV cho HS đọc đề bài 1. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc đề bài, hoạt động để tìm câu trả lời.	Bài 1: a) Trong các chữ cái sau đây: Chữ nào có trục đối xứng, có tâm đối xứng. b) Trong các biển báo giao thông sau. Biển báo nào có trục đối xứng, có tâm đối xứng?

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả: HS trả lời nhanh các câu hỏi.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét câu trả lời lẫn nhau và chốt kết quả chính xác, đồng thời có thể minh họa vẽ trục, tâm đối xứng của các hình (nếu có). 	<div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-bottom: 10px;"> a)b)c)d) </div> <p style="text-align: center;"><u>Giải:</u></p> <p>a)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chữ có trục đối xứng là: A, B, H, O - Chữ có tâm đối xứng là: H, O, N <p>b)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển a (biển cấm dừng xe và đỗ xe) là hình có trục đối xứng và tâm đối xứng. - Biển b (biển báo nguy hiểm khác) là hình có trục đối xứng. - Biển c (biển báo cấm đi ngược chiều) là hình có trục và tâm đối xứng. - Biển d (biển báo hướng đi phải phải theo) là hình có trục đối xứng.
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 2. - Phát phiếu học tập cho các nhóm. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài - Hoạt động nhóm vẽ trục và tâm đối xứng của hình (nếu có). <p>Bước 3: Báo cáo kết quả: Chấm chéo giữa các nhóm dựa trên đáp án của GV.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung và chú ý sửa sai cho các nhóm. 	<p>Bài 2: Vẽ các trục đối xứng và tâm đối xứng của các hình sau (nếu có).</p> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around; margin-bottom: 10px;"> <div style="text-align: center;"> a)</div> <div style="text-align: center;"> b)</div> <div style="text-align: center;"> c)</div> </div> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around; margin-bottom: 10px;"> <div style="text-align: center;"> d)</div> <div style="text-align: center;"> e)</div> <div style="text-align: center;"> g)</div> </div> <p style="text-align: center;"><u>Giải:</u></p> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> a)</div> <div style="text-align: center;"> b)</div> <div style="text-align: center;"> c)</div> </div> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="text-align: center;"> d)</div> <div style="text-align: center;"> e)</div> <div style="text-align: center;"> g)</div> </div>
	<p>Bài 3:</p>

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV cho HS đọc đề bài 3.
- Phát phiếu học tập cho HS.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS đọc đề bài.
- Hoạt động cá nhân, trao đổi trong bàn để vẽ hình theo yêu cầu.

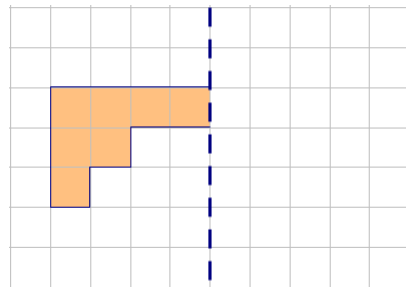
Bước 3: Báo cáo kết quả:

2 HS đại diện lên bảng vẽ hình.

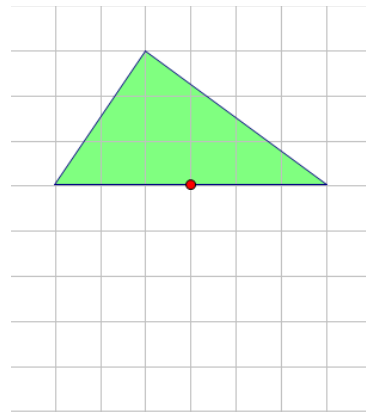
Bước 4: Đánh giá kết quả:

- GV cho HS nhận xét.
- GV nhận xét và kiểm tra kết quả của vài nhóm.

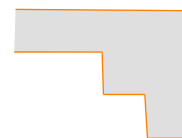
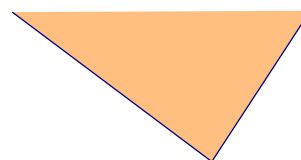
a) Vẽ thêm để được hình có trục đối xứng là đường nét đứt trên hình vẽ.



b) Vẽ thêm để được hình có tâm đối xứng là các điểm cho sẵn.



Giải:



Tiết 3:

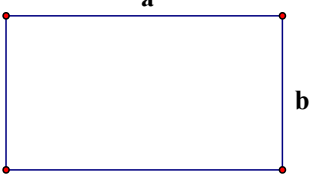
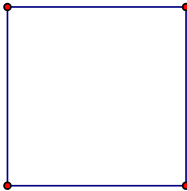
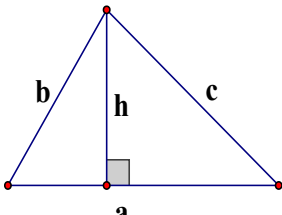
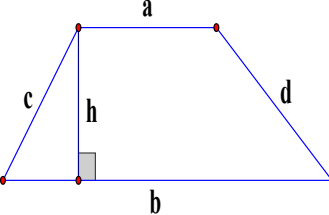
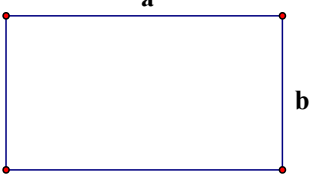
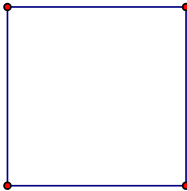
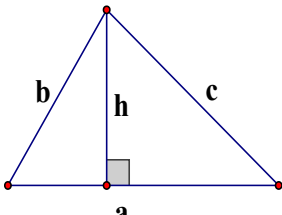
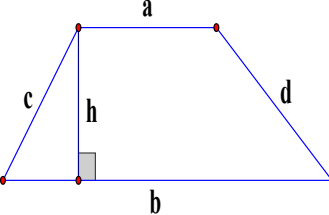
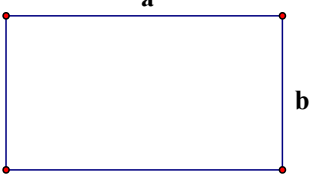
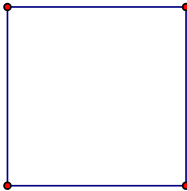
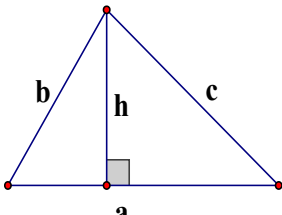
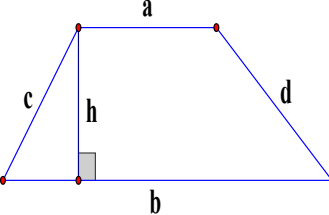
Dạng 4: Tính chu vi và diện tích**a) Mục tiêu:**

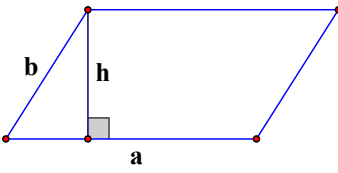
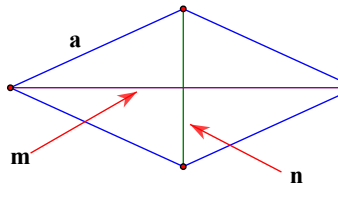
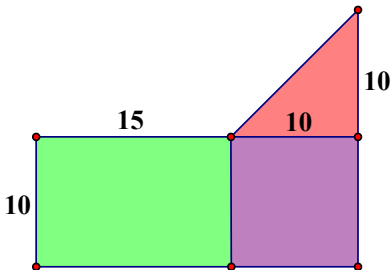
- Ôn tập lại các công thức tính chu vi và diện tích hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, hình thang, hình bình hành, hình thoi.
- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích.

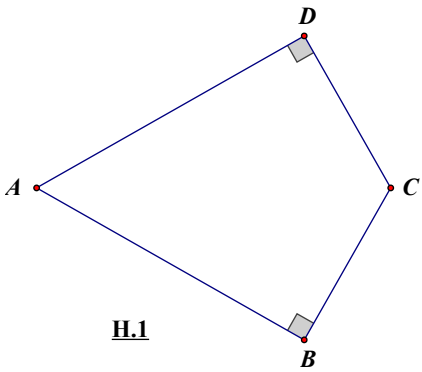
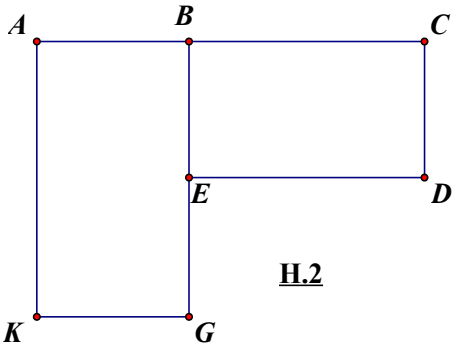
b) Nội dung: Bài 1; 2; 3; 4, 5, 6.**c) Sản phẩm:**

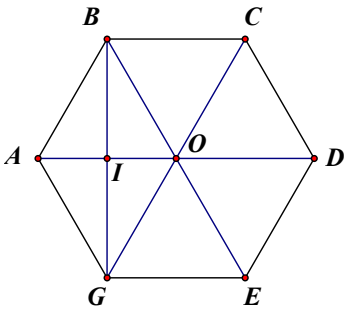
- Viết được các công thức tính chu vi, diện tích.
- Sử dụng các công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học để giải quyết một bài toán.

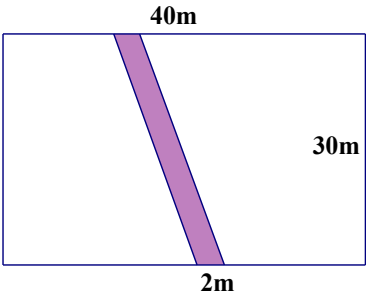
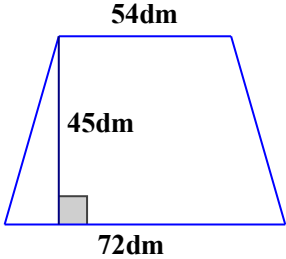
d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt										
Bước 1: Giao nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ có sẵn các hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, hình thang, hình bình hành, hình thoi. - Yêu cầu HS lên bảng viết các công thức tính chu vi và diện tích các hình nói trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ và ghi lại các công thức. Bước 3: Báo cáo kết quả <ul style="list-style-type: none"> - Lần lượt từng HS lên bảng ghi lại công thức tính chu vi và diện tích các hình. - HS dưới lớp ghi vào vở. Bước 4: Đánh giá kết quả <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét kết quả. 	1. Lý thuyết <table> <tr> <th>HÌNH</th><th>CÔNG THỨC <i>P là chu vi, S là diện tích</i></th></tr> <tr> <td></td><td>$P = (a + b) \cdot 2$$S = ab$</td></tr> <tr> <td></td><td>$P = a \cdot 4$$S = a \cdot a$</td></tr> <tr> <td></td><td>$P = a + b + c$$S = \frac{a \cdot h}{2}$</td></tr> <tr> <td></td><td>$P = a + b + c + d$$S = \frac{(a + b) \cdot h}{2}$</td></tr> </table>	HÌNH	CÔNG THỨC <i>P là chu vi, S là diện tích</i>		$P = (a + b) \cdot 2$ $S = ab$		$P = a \cdot 4$ $S = a \cdot a$		$P = a + b + c$ $S = \frac{a \cdot h}{2}$		$P = a + b + c + d$ $S = \frac{(a + b) \cdot h}{2}$
HÌNH	CÔNG THỨC <i>P là chu vi, S là diện tích</i>										
	$P = (a + b) \cdot 2$ $S = ab$										
	$P = a \cdot 4$ $S = a \cdot a$										
	$P = a + b + c$ $S = \frac{a \cdot h}{2}$										
	$P = a + b + c + d$ $S = \frac{(a + b) \cdot h}{2}$										

	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">  </div> <div style="text-align: center;"> $P = (a + b) . 2$ $S = a.h$ </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="text-align: center;">  </div> <div style="text-align: center;"> $P = a.4$ $S = \frac{m.n}{2}$ </div> </div>
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 1. - Hoạt động cá nhân làm bài. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài. - Hoạt động cá nhân, trao đổi trong bàn để tính. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả:</p> <p>3 HS đại diện trả lời.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét chung. 	<p>2. Bài tập</p> <p>Bài 1. Để chuẩn bị cho Tết nguyên đán 2022 bác An chia khu vườn của mình thành ba phần để trồng hoa theo hình vẽ sau:</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">Hình 2 Đơn vị: mét</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đất hình chữ nhật trồng hoa Mai. - Phần đất hình vuông trồng hoa Cúc. - Phần đất hình tam giác trồng hoa Hồng. <p>Em hãy tính diện tích mỗi phần.</p> <p style="text-align: center;"><u>Giải:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích phần đất trồng hoa Mai là: $15.10 = 150 (m^2)$ - Diện tích phần đất trồng hoa Cúc là: $10.10 = 100 (m^2)$ - Diện tích phần đất trồng hoa Hồng là: $\frac{10.10}{2} = 50 (m^2)$
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 2. - Hoạt động cá nhân làm bài. 	<p>Bài 2. Nền một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài $10m$ và chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Người ta định dùng gạch men hình vuông có cạnh $50cm$ để lát kín nền căn phòng ấy. Hỏi cần bao nhiêu</p>

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài. - Hoạt động hoạt động cặp đôi tìm hướng giải quyết bài toán. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu cách giải. - HS làm bài vào vở, 1 HS lên bảng trình bày. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét chung, sửa sai cho HS. 	<p>viên gạch như thế? Biết rằng các mối nối và sự hao hụt không đáng kể.</p> <p><u>Giải:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều rộng nền phòng là: $\frac{1}{2} \cdot 10 = 5(cm)$ - Diện tích nền của căn phòng đó là: $5 \cdot 10 = 50(m^2) = 50000(cm^2)$ - Diện tích một viên gạch là: $50 \cdot 50 = 2500(cm^2)$ - Số viên gạch để lát kín nền căn phòng là: $50000 : 2500 = 20 \text{ (viên)}$
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ có sẵn đề bài và cho HS đọc đề bài 3. - Hoạt động cá nhân làm bài. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài. - Hoạt động cá nhân tìm tòi lời giải. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng trình bày. - HS dưới lớp làm bài vào vở. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét. - GV kiểm tra bài làm của HS, nhận xét và sửa sai cho HS (nếu có). 	<p>Bài 3:</p> <p>a) Tính chu vi và diện tích của H.1 biết $AB = AD = 4cm$, $BC = CD = 2cm$.</p>  <p style="text-align: center;">H.1</p> <p>b) Tính chu vi của H.2, biết $BCDE$ là hình chữ nhật có diện tích $135m^2$, $BC = 15m$, $ABGK$ là hình chữ nhật có diện tích $180m^2$, $BE = EG$.</p>  <p style="text-align: center;">H.2</p> <p><u>Giải:</u></p>

	<p>a) Chu vi H.1:</p> $P = AB + BC + CD + DA = 4 + 2 + 2 + 4 = 12(cm)$ <p>Diện tích H.1:</p> $S_{ABCD} = S_{ABC} + S_{ADC} = \frac{1}{2}AB.BC + \frac{1}{2}AD.DC$ $S_{ABCD} = \frac{1}{2}.4.2 + \frac{1}{2}.4.2 = 4 + 4 = 8(cm^2)$ <p>b) Ta có: $S_{BCDE} = 135m^2$ nên $BE.BC = 135$ $BE = 135 : 15 = 9(m)$</p> <p>$BE = EG$ nên $BG = 2.BE = 2.9 = 18(m)$</p> <p>$S_{ABGK} = 180m^2$ nên $AB.BG = 180$ $AB = 180 : 18 = 10(m)$</p> <p>Do đó: $AB = GK = 10(m)$, $AK = BG = 18(m)$</p> <p>Vậy chu vi H.2 là:</p> $P = 10 + 15 + 9 + 15 + 9 + 10 + 18 = 86(m)$
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 4. - Hoạt động cá nhân làm câu a. - HDN thực hiện câu b. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài. - Hoạt động cá nhân tính nhanh câu a, HDN để thảo luận cách làm câu b. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện 1 HS trả lời nhanh câu a. - 1 nhóm đại diện trình bày câu b. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét chung, sửa sai cho HS. 	<p>Bài 4: Cho hình lục giác đều $ABCDEG$ như hình vẽ sau, biết $AB = 5cm$, $OA = 6cm$, $BG = 8cm$.</p>  <p>a) Tính diện tích hình thoi $ABOG$.</p> <p>b) Tính diện tích hình lục giác $ABCDEG$.</p> <p><u>Giải:</u></p> <p>a) Diện tích hình thoi $ABOG$:</p> $S_{ABOG} = \frac{1}{2}OABG = \frac{1}{2}.6.8 = 24(cm^2)$ <p>b) Diện tích tam giác ABO:</p> $S_{ABO} = \frac{1}{2}S_{ABOG} = \frac{1}{2}.24 = 12(cm^2)$ <p>Diện tích lục giác đều $ABCDEG$:</p> $S_{ABCDEG} = 6.S_{ABO} = 6.12 = 72(cm^2)$

<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 5. - Hoạt động cá nhân làm bài. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài. - Hoạt động hoạt động cặp đôi tìm hướng giải quyết bài toán. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu cách giải. - HS làm bài vào vở, 1 HS lên bảng trình bày. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét chung, sửa sai cho HS. 	<p>Bài 5: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài $40m$, chiều rộng $30m$ với lối đi hình bình hành rộng $2m$ (xem hình vẽ). Tính diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi.</p>  <p style="text-align: center;"><u>Giải:</u></p> <p>Diện tích cả mảnh vườn HCN là: $40.30 = 1200(m^2)$</p> <p>Diện tích lối đi HBH là: $2.30 = 60(m^2)$</p> <p>Diện tích mảnh vườn không tính lối đi là: $1200 - 60 = 1140(m^2)$</p>
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 6. - Hoạt động cá nhân làm bài. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài. - Hoạt động hoạt động cặp đôi tìm hướng giải quyết bài toán. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu cách giải. - HS làm bài vào vở, 1 HS lên bảng trình bày. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét chung, sửa sai cho 	<p>Bài 6: Bản thiết kế một hiên nhà được biểu thị ở hình sau. Nếu chi phí làm mỗi $9dm^2$ là 103 nghìn đồng thì chi phí của cả hiên nhà sẽ là bao nhiêu?</p>  <p style="text-align: center;"><u>Giải:</u></p> <p>Diện tích hiên nhà là: $S = \frac{(54 + 72).45}{2} = 2835(dm^2)$</p> <p>Chi phí để làm hiên nhà là: $2835 : 9.105000 = 32445000$ (đồng).</p>

HS.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Yêu cầu HS học thuộc các công thức tính chu vi và diện tích các hình. Ghi nhớ tính chất của các hình đã học.

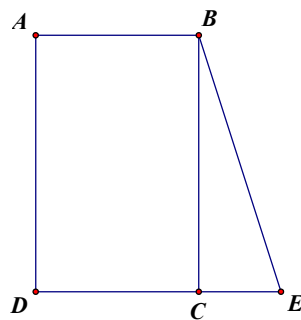
- Hoàn thành các bài tập

Bài 1. Cho lục giác đều $ABCDEF$.

a) Hãy đếm các đường chéo của lục giác vẽ từ mỗi đỉnh của nó. Hãy cho biết có bao nhiêu đường chéo được đếm hai lần.

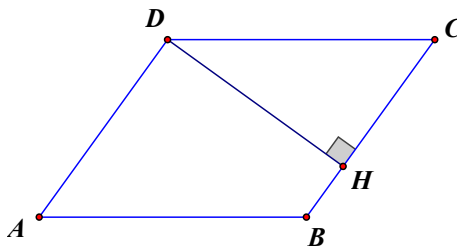
b) Hãy cho biết lục giác trên có bao nhiêu đường chéo.

Bài 2. Tính diện tích của mảnh đất hình thang $ABED$ ở hình bên. Biết $AB = 23cm$, $DE = 31cm$ và diện tích của hình chữ nhật $ABCD$ là $828cm^2$.



Bài 3. Cho hình bình hành $ABCD$ có O là giao điểm hai đường chéo và $AB = 8cm$, $AD = 5cm$, $OC = 3cm$. Tính CD , BC , AC .

Bài 4. Tính chu vi và diện tích của hình bình hành $ABCD$ (như hình bên). Biết rằng $AD = 6cm$, $AB = 10cm$, $DH = 9cm$.



Bài 5. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài $25m$. Chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Người ta làm hai lối đi rộng $2m$ như hình vẽ. Phần đất còn lại dùng để trồng cây. Tính diện tích phần đất dùng để trồng cây.

